

Số: /BC-UBND

Chi Lăng, ngày tháng 4 năm 2024

BÁO CÁO

Tình hình thực hiện Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 19/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Chi Lăng về thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Kính gửi: Ban pháp chế Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn.

Thực hiện Kế hoạch số 346/KH-ĐGS ngày 08/4/2024 của Hội đồng nhân dân tỉnh Lạng Sơn về việc Giám sát chuyên đề việc thực hiện Kế hoạch số 226/KH-UBND ngày 18/11/2021 của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. UBND huyện Chi Lăng báo cáo kết quả cụ thể như sau:

A. KHÁI QUÁT ĐẶC ĐIỂM TÌNH HÌNH CỦA CƠ QUAN, ĐƠN VỊ

Huyện Chi Lăng nằm ở phía nam tỉnh Lạng Sơn, cách thành phố Hà Nội 106 km, cách thành phố Lạng Sơn 35 km; phía Đông giáp huyện Lộc Bình; phía Bắc giáp các huyện Cao Lộc, Văn Quan và thành phố Lạng Sơn; phía Tây giáp huyện Văn Quan; phía Tây nam giáp huyện Hữu Lũng, phía Nam giáp với huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang. Huyện Chi Lăng có diện tích 707,45 km², dân số gần 80.000 người gồm các dân tộc Tày, Nùng, Kinh, Dao... cùng sinh sống. Do cùng chung sống lâu đời trên một địa bàn nên nhiều phong tục tập quán, thói quen của các dân tộc có nhiều nét tương đồng, đan xen, cùng phát triển. Nhiều phong tục tập quán mang bản sắc riêng của từng dân tộc được giữ gìn và lưu truyền như hát sli, lượn, then, hát chầu văn trong lễ cưới, lễ hội; tiếng nói và trang phục của một số dân tộc được lưu giữ và sử dụng; thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, UBND huyện Chi Lăng đã xây dựng kế hoạch và được triển khai tích cực tạo sự chuyển biến mạnh mẽ trong công cuộc phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện, với 03 trụ cột làm nền tảng đó là: Chuyển đổi số - Kinh tế số - Xã hội số.

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH

1. Việc ban hành, tham mưu ban hành các văn bản chỉ đạo, triển khai

Ngay sau khi Nghị quyết 49-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Huyện ủy Chi Lăng đã ban hành Kế hoạch số 79-KH/HU, ngày 30/12/2021 của Huyện ủy Chi Lăng về triển khai thực hiện Nghị quyết số 49-

NQ/TU, ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Chi Lăng. UBND huyện Chi Lăng đã chỉ đạo các cơ quan chuyên môn tham mưu xây dựng, ban hành các văn bản triển khai thực hiện thực hiện Nghị quyết 49-NQ/TU. Đồng thời triển khai thực hiện kịp thời các văn bản chỉ đạo của tỉnh, hướng dẫn của cấp trên để thực hiện công tác chuyển đổi số được kịp thời, hiệu quả trên địa bàn. Qua đó, việc triển khai các nhiệm vụ công tác chuyển đổi số đã đáp ứng được yêu cầu tiến độ của tỉnh, huyện đề ra từng bước nâng cao nhận thức của các cấp ủy, chính quyền trong việc chỉ đạo thực hiện, coi đây là một trong những nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt của cả nhiệm kỳ, tạo điều kiện thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội trong những năm tiếp theo. UBND huyện đã ban hành trên 200 văn bản các loại thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số từ 22/12/2021 đến 31/3/2024.

2. Công tác kiểm tra, giám sát: Công tác kiểm tra, giám sát được triển khai thường xuyên, liên tục. Hằng năm UBND huyện ban hành kế hoạch chuyển đổi số đồng thời đôn đốc, theo dõi các cơ quan, đơn vị trực thuộc, UBND các thị trấn ban hành kế hoạch thực các chỉ tiêu kế đề ra, thực hiện chế độ báo cáo định kỳ hàng tháng, quý, năm. Chỉ đạo các các phòng, ban tổ chức các cuộc kiểm tra nhằm phát hiện, đôn đốc các đơn vị thực hiện các chỉ tiêu chưa đạt theo kế hoạch đề ra qua kịp thời khắc phục những hạn chế, thiếu sót trong quá trình triển khai.

3. Công tác truyền thông, tuyên truyền về chuyển đổi số

UBND huyện chỉ đạo Trung tâm Văn hóa, Thể thao và Truyền thông huyện và các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng các phóng sự về các nội dung thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TU, ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 và thực hiện tuyên truyền các phóng sự do Sở Thông tin và truyền thông tỉnh Lạng Sơn triển khai bằng nhiều hình thức như: Trang thông tin điện tử huyện, xã; Đài truyền thanh cấp huyện, xã; các trang mạng xã hội; pano, áp phích, bảng quảng cáo; trong các cuộc họp tại khu phố, thôn ... kết quả.

Từ ngày 22/12/2021 đến hết ngày 31/3/2024:

- Thực hiện **05** băng rôn/năm; Tuyên truyền lưu động: **12** lượt/năm lồng ghép các nội dung tuyên truyền khác.

- Thực hiện được **135** tin bài tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng: Loa truyền thanh, các trang mạng xã hội các nội dung về chuyển đổi số.

4. Mô hình, sáng kiến, giải pháp mới về chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị, địa bàn: Hằng năm UBND huyện thực hiện triển khai tuyên truyền các kế hoạch của cấp trên đồng thời ban hành các văn bản hướng dẫn, khuyến khích các cơ quan, đơn vị, công chức, viên chức và người dân tham gia xây dựng các sáng kiến, kinh nghiệm trong công tác chuyển đổi số cũng như các lĩnh vực khác qua đó hằng năm thu hút được nhiều sáng kiến, kinh nghiệm có hiệu quả. Từ năm 2021 đến hết 31/3/2024 huyện Chi Lăng có 9 sáng kiến kinh nghiệm về chuyển đổi số được công nhận và áp dụng trên địa bàn.

5. Các mục tiêu, chỉ tiêu đến năm 2025 theo Kế hoạch số 23/KH-UBND.

a) Phát triển chính quyền số

- 100% dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện thực hiện mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 100% các cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ 24/7, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần.

- 100% công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc.

- 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (Trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật Nhà nước).

- 100% các hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan hành chính Nhà nước thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất.

- 100% hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định.

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý: **Tỉnh chưa triển khai.**

- 100% đơn vị cấp xã có hệ thống thông tin truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ số, nền tảng số. Đạt 70% (Hiện nay có 14/20 đài truyền thanh IP những xã chưa có đài truyền thanh IP gồm các xã: Vân An, Chiến Thắng, Hòa Bình, Gia Lộc, Y Tịch và xã Chi Lăng)

- Phối hợp với sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan cấp trên đảm bảo 100% các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị hành chính Nhà nước hoạt động trên nền tảng điện toán đám mây của tỉnh (Lạng Sơn Cloud): **Đảm bảo.** (triển khai đầy đủ các ứng dụng do cấp trên triển khai)

- 100% các cơ quan, đơn vị thực hiện số hóa, sử dụng các cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia bao gồm cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm, tư pháp,... tạo nền tảng phát triển chính quyền số của huyện; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan Nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội: **Đạt.**

- Phối hợp với sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan cấp trên đảm bảo 100% cơ quan, đơn vị hành chính Nhà nước có ít nhất một Trợ lý ảo hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức trong môi trường làm việc: **Đảm bảo.**

b) Phát triển kinh tế số

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%: (chưa có hướng dẫn của của Sở Thông tin và Truyền thông nên không tính được chỉ tiêu này).

- Tỷ lệ hộ gia đình có cửa hàng số cho người mua và người bán giao dịch trên nền tảng thương mại điện tử đạt trên 65%: **Đạt.** (Tính đến hết 31/3/2024 huyện có 47.548 tài khoản mua/bán trên sàn giao dịch điện tử trên tổng số hộ dân là 19.734 hộ).

c) Phát triển xã hội số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình. **Đạt** (tỉ lệ mạng cáp quang phủ sóng 18.636/19734).

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh. **Đạt** (Mạng 3G, 4G được phủ đến 100% trung tâm các thôn, khu phố. Hiện nay trên địa bàn huyện còn 1098 hộ chưa được phủ sóng hoặc sóng yếu do sinh sống tại các khu vực lõm sóng, các hộ dân cư không tập trung).

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi có tài khoản thanh toán điện tử, ví điện tử trên 50%. **Đạt**. (Có 29.630 tài khoản/45836 đạt 64,64%).

- 100% người dân và doanh nghiệp được Trợ lý ảo hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính, sử dụng dịch vụ công trực tuyến của huyện.

- 100% các trường học sử dụng nền tảng số trong công tác giảng dạy và hoạt động quản lý.

- Trung tâm y tế tuyến huyện kết nối với bệnh viện tuyến trên phục vụ khám chữa bệnh qua nền tảng công nghệ số.

- Tỷ lệ hộ gia đình có địa chỉ số đạt 100%: **Tỉnh chưa triển khai.**

II. KẾT QUẢ CÔNG TÁC CHUYỂN ĐỔI SỐ (Thời điểm lấy số liệu báo cáo: Từ ngày 22/12/2021 đến hết ngày 31/3/2024).

1. Kết quả phát triển chính quyền số

1.1. Kết quả triển khai các hệ thống dùng chung của tỉnh như Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành; Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến; Hoạt động của Cổng/Trang thông tin điện tử; Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính

a. Hệ thống phần mềm quản lý văn bản và điều hành: Hệ thống quản lý văn bản và điều hành (VNPT-iOffice) triển khai tới 100% cơ quan hành chính nhà nước từ huyện tới xã. Các cơ quan duy trì sử dụng hiệu quả Hệ thống quản lý văn bản và điều hành để xử lý hồ sơ công việc trên môi trường mạng, đồng thời thực hiện ký số văn bản điện tử, liên thông gửi lên trực liên thông (không gửi văn bản giấy) (Trừ văn bản mật). Đến thời điểm hiện tại có hơn 680 tài khoản sử dụng (gồm huyện, xã). Việc sử dụng Hệ thống quản lý văn bản và điều hành đã tạo thuận lợi cho cán bộ, công chức, viên chức giải quyết công việc nhanh chóng, tiết kiệm thời gian, chi phí và đạt hiệu quả cao trong công việc. **Từ ngày 22/12/2021 đến hết ngày 31/3/2024** tổng số văn bản đến 35.302 văn bản; văn bản đi đã ban hành 23.122 văn bản.

b. Hệ thống Hội nghị truyền hình trực tuyến

- Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến: Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến trên địa bàn huyện hiện có 21 điểm cầu (trong đó có 01 điểm cầu ở trụ sở UBND huyện và 20/20 điểm cầu tại xã, thị trấn); hệ thống hội nghị trực tuyến đảm bảo kết nối liên thông 03 cấp tỉnh, huyện, xã. Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được UBND huyện, UBND xã, thị trấn bố trí gồm hệ thống trang thiết bị như: Màn hình, camera, micro, máy tính, đường truyền internet... đáp ứng nhu

cầu nâng cao hiệu quả việc tổ chức các cuộc họp, giao ban. Qua đó hội nghị trực tuyến giảm chi phí di chuyển và tiết kiệm về thời gian, kinh phí so với hình thức họp trực tiếp tập trung. Tuy nhiên, đường truyền đôi lúc không ổn định gây gián đoạn cuộc họp.

- **Từ ngày 22/12/2021 đến hết ngày 31/3/2024:** Là 42 cuộc trong đó 03 cuộc họp từ trung ương, tỉnh, huyện, xã; 15 cuộc họp giữa tỉnh, huyện, xã; 10 cuộc họp giữa tỉnh và huyện; 14 cuộc họp giữa UBND huyện với xã.

c. Hoạt động của Trang thông tin điện tử

- Trang thông tin điện tử của huyện tại địa chỉ <http://chilang.langson.gov.vn> và 20 Trang thông tin điện tử huyện thành viên (UBND các xã, thị trấn). Trang thông tin điện tử thường xuyên cung cấp, cập nhật thông tin theo đúng quy định tại Nghị định số 42/2022/NĐ-CP ngày 24/6/2022 của Chính phủ quy định về việc cung cấp thông tin và DVCTT của cơ quan nhà nước trên môi trường mạng. Trang thông tin điện tử huyện duy trì hoạt động ổn định, thường xuyên cập nhật tin, bài, văn bản chỉ đạo điều hành của UBND huyện, Tổ biên tập Trang TTĐT cơ bản quản trị tốt về mặt kỹ thuật, thường xuyên cập nhật kịp thời những thông tin hoạt động của địa phương. Các thông tin, tin, bài của các cá nhân, tổ chức gửi đăng tải lên Trang TTĐT của huyện được Ban biên tập chọn lọc, kiểm duyệt theo quy định.

- **Từ ngày 22/12/2021 đến hết ngày 31/3/2024** đã cập nhật 1.170 tin bài và 1.900 văn bản chỉ đạo điều hành. Tổng số lượt truy cập là 53.982 lượt.

d. Tình hình sử dụng thư điện tử công vụ

- Hệ thống thư điện tử công vụ được duy trì hoạt động ổn định, 100% cán bộ, công chức, viên chức đều được cấp hộp thư điện tử công vụ phục vụ trao đổi công việc mở rộng đến các đơn vị sự nghiệp, cơ quan đảng, đoàn thể, tổ chức chính trị - xã hội. Văn phòng HĐND và UBND đã phối hợp với Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh cấp hơn 680 địa chỉ hòm thư điện tử công vụ đồng bộ với tài khoản VNPT- iOffice và tài khoản DVCTT. Thuận lợi cho việc trao đổi dữ liệu công việc, tỷ lệ tài khoản thường xuyên đăng nhập trên 78% (do đã tích hợp với tài khoản Hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT-iOffice).

- Tuy nhiên, công chức của các đơn vị phòng ban chuyên môn, UBND các xã, thị trấn sử dụng chưa thường xuyên hệ thống thư điện tử công vụ, một phần thói quen sử dụng các dịch vụ thư điện tử khác.

đ. Cung cấp dịch vụ công trực tuyến

- Tổng số DVCTT (mức độ 2, một phần, toàn trình): 377 TTHC (cấp huyện 257 TTHC, cấp xã 120 TTHC)

- Tổng số DVCTT Một phần: 115 TTHC. (trong đó 68 TTHC cấp huyện, 47 TTHC cấp xã).

- Tổng số DVCTT Toàn trình: 194 TTHC. (trong đó 142 TTHC cấp huyện, 52 TTHC cấp xã).

- Dịch vụ công phát sinh hồ sơ và phát sinh hồ sơ trực tuyến

+ Số lượng DVCTT Một phần có phát sinh hồ sơ (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến (PSHHTT) (gọi là a): 41 DVC

+ Số lượng DVCTT Toàn trình có phát sinh hồ sơ (gồm cả trực tuyến và không trực tuyến (PSHHTT) (gọi là b): 60 DVC

+ Số lượng DVCTT Một phần có phát sinh hồ sơ trực tuyến (gọi là c): 39 DVC

+ Số lượng DVCTT Toàn trình có phát sinh hồ sơ trực tuyến (gọi là d): 58 DVC

+ Tỷ lệ DVCTT có phát sinh hồ sơ trực tuyến: $(c+d)/a+b = 96,04\%$

- Hồ sơ phát sinh và hồ sơ trực tuyến

+ Tổng số hồ sơ giải quyết của các DVCTT mức độ 2, một phần, toàn trình (gọi là a): 39.953.

+ Số lượng hồ sơ giải quyết của DVC mức độ 2 (gọi là b): 42 Hồ sơ.

+ Số lượng hồ sơ giải quyết của DVC Một phần (Gồm cả trực tuyến và không trực tuyến (gọi là c): 30.698 Hồ sơ.

+ Số lượng hồ sơ giải quyết của DVC Toàn trình (Gồm cả trực tuyến và không trực tuyến (gọi là d): 9.203 Hồ sơ.

+ Số lượng HSTT Một phần (gọi là e): 26.212 Hồ sơ

+ Số lượng HSTT Toàn trình (gọi là g): 7.598 Hồ sơ

+ Tỷ lệ HSTT: $(e+g)/a. = 84,62\%$

*** Đánh giá ưu điểm, tồn tại hạn chế, đề xuất đối với việc sử dụng Công dịch vụ công và Hệ thống thông tin một cửa điện tử**

- Việc sử dụng Công dịch vụ công trực tuyến và hệ thống thông tin một cửa điện tử, một cửa liên thông đã giúp cho hiệu quả thực hiện tại Bộ phận Tiếp nhận và Trả kết quả được nâng lên rõ rệt, chất lượng giải quyết các thủ tục hành chính cho tổ chức và cá nhân ngày càng được cải thiện, đổi mới theo hướng tin học hóa, đảm bảo tính dân chủ, công khai, đúng luật, đúng quy trình, nhanh chóng, tạo mọi điều kiện thuận lợi cho người dân đến liên hệ giải quyết hồ sơ, công việc.

- Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh Lạng Sơn qua nhiều năm thực hiện và hoạt động thay đổi về mức độ dịch vụ công trực tuyến. Do đó tỷ lệ hồ sơ trực tuyến có sự thay đổi theo cấu trúc từng năm tỷ lệ TTHC trực tuyến sẽ không cập nhật đúng theo quy định hiện nay.

e. Kết quả thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết TTHC

Thực hiện Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 4/10/2020 và Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn về triển khai, thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Công văn số 1610/UBND-TTPVHCC, ngày 15/11/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn về thực hiện số hoá hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Văn phòng HĐND và UBND huyện đã tham mưu cho UBND huyện Chi Lăng ban hành Kế hoạch số 269/KH-UBND ngày 24/12/2020 về số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện Chi Lăng

đến năm 2025; Công văn số 2125/UBND-VP ngày 16/11/2021 về thực hiện số hoá hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Công văn số 2050/UBND-VP ngày 07/10/2022 về đơn đốc thực hiện số hoá hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Kết quả như sau:

Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính còn hiệu lực được cập nhật lên kho số hóa là 49.203 hồ sơ. Trong thời gian tới sẽ đơn đốc các cơ quan, đơn vị số hóa và đồng bộ dữ liệu từ Cổng dịch vụ công Lạng Sơn đối với hồ sơ TTHC được tiếp nhận và trả kết quả năm 2024 trên cổng dịch vụ công sang phần mềm số hóa thủ tục hành chính còn hiệu lực tại địa chỉ <http://hosotthc.langson.gov.vn>.

1.2. Việc triển khai các chương trình, dự án ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan, đơn vị, địa phương: Các chương trình, dự án ứng dụng công nghệ thông tin của cơ quan, đơn vị, địa phương được triển khai đồng bộ theo các chương trình dự tính triển khai như: Phần mềm hệ thống văn bản ioffice; chứng thư số, xây dựng các Trang thông tin điện tử cấp huyện, xã; phần mềm kế toán, giáo dục, y tế... đảm bảo phục vụ tốt công tác chuyển đổi trên địa bàn huyện.

1.3. Công tác đào tạo, phát triển nguồn nhân lực

- Công tác đào tạo, bồi dưỡng gắn với quy hoạch, sử dụng cán bộ, công chức, viên chức được quan tâm, chú trọng. Hàng năm huyện đã ban hành Kế hoạch đào tạo bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức để thực hiện. Từ tháng 12 năm 2021 đến tháng 3 năm 2024 mở 15 lớp bồi dưỡng theo Kế hoạch của UBND tỉnh giao, trong đó năm 2023 có tổ chức 01 lớp bồi dưỡng nâng kiến thức về chuyển đổi số, kinh tế số, quản lý số cho 74 cán bộ, công chức các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn; cử 1.285 cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ do tỉnh, huyện tổ chức; quyết định, đồng ý cho 20 cán bộ, công chức, viên chức tham gia đào tạo trình độ thạc sĩ, đại học.

- Tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho lãnh, công chức các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp tham gia các lớp tập huấn về chuyển đổi số, an toàn thông tin mạng, trang thông tin điện tử, đài truyền thanh...

- Tổ chức 03 đợt tập huấn trực tiếp cho 838 thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng tại các thôn, khu phố qua cấp, trang bị kiến thức cho các thành viên Tổ công nghệ số cộng đồng những kiến về chuyển đổi cũng như kỹ năng cài đặt, hướng dẫn người dân công tác chuyển đổi số trên địa bàn huyện. Đồng thời đăng ký cho hơn 300 thành viên tổ công nghệ số cộng đồng tham gia lớp học trực tuyến trên nền tảng onetuoach.

1.4. Công tác đảm bảo an toàn an ninh thông tin

- Máy chủ được đặt tại Trụ sở làm việc UBND huyện, bố trí riêng 01 phòng tách biệt với các phòng làm việc khác, lắp đặt hệ thống chống sét và phòng cháy, chữa cháy và bố trí 01 máy vi tính hoàn toàn không kết nối mạng và các thiết bị ngoại vi để soạn thảo văn bản mật đảm bảo bí mật nhà nước.

- Việc thực hiện các biện pháp về đảm bảo an ninh, an toàn thông tin trên không gian mạng được UBND huyện triển khai kịp thời các văn bản chỉ đạo,

hướng dẫn của cấp trên về an toàn thông tin; ban hành văn bản chỉ đạo tăng cường các biện pháp bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng, phối hợp với Trung tâm Công nghệ số - STTTT xử lý sự cố (nếu có); khuyến khích các cơ quan, đơn vị tự chủ động trang bị các phần mềm diệt virus bản quyền (kaspersky, Bkav), bên cạnh đó đăng ký với Sở Thông tin và Truyền thông triển khai cài đặt phần mềm diệt Virus bản quyền CMC Antivirus đề trang bị cho các máy của cán bộ, công chức, viên chức.

- Công tác đảm bảo an toàn thông tin thường xuyên được quan tâm, UBND huyện bố trí 01 cán bộ chuyên trách làm công tác quản trị mạng, thường xuyên quan tâm đảm bảo công tác an ninh mạng; thực hiện tốt các quy định bảo vệ bí mật nhà nước trong quản lý, vận hành, sử dụng hệ thống mạng nội bộ, Internet, hệ thống Văn phòng điện tử VNPT- IOffice, trang thông tin điện tử. Chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, đơn vị trực thuộc bố trí máy tính không kết nối internet để soạn thảo các văn bản thuộc danh mục bí mật Nhà nước nhằm tránh lộ lọt mất thông tin. Thời gian qua UBND huyện không để lộ, lọt bí mật nhà nước cũng như không để hiện tượng mất an toàn thông tin xảy ra. Luôn quan tâm cử cán bộ, công chức tham dự các lớp tập huấn, đào tạo, bồi dưỡng về an toàn thông tin do cấp trên tổ chức.

- Thực hiện rà soát việc triển khai phần mềm diệt virus đối với các cơ quan phòng, ban, đơn vị sự nghiệp trực thuộc; UBND các xã, thị trấn và đề xuất Sở Thông tin và Truyền thông tính cấp phần mềm diệt virus CMC, BKAV Endpoint AI. Thường xuyên cập nhật, cảnh báo và hướng dẫn các cơ quan, đơn vị liên quan tiến hành rà soát, phát hiện các lỗ hổng bảo mật trên máy tính.

- Từ 22/12/2021 đến 31/3/2024 các cơ quan, đơn vị trực thuộc; UBND các xã, thị trấn không để lộ lọt thông tin, bí mật nhà nước.

1.5. Công tác phát triển hạ tầng số

- Việc ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động của cơ quan hành chính nhà nước được triển khai, tham mưu UBND huyện chỉ đạo các cơ quan, đơn vị, UBND các xã, thị trấn đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động của đơn vị; tải, cài đặt các ứng dụng hỗ trợ công việc cho cán bộ, công chức góp phần nâng cao chất lượng phục vụ người dân, doanh nghiệp; xây dựng kế hoạch về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; phân công nhiệm vụ cụ thể, chỉ rõ trách nhiệm các cơ quan, đơn vị trong thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số huyện Chi Lăng đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Tạo mối gắn kết, phối hợp giữa các cấp, các cơ quan, đơn vị...huy động mọi nguồn lực để tổ chức, thực hiện hoàn thành và đạt các mục tiêu, chỉ tiêu về chuyển đổi số.

- Hạ tầng kỹ thuật công nghệ thông tin tại các cơ quan, đơn vị được đầu tư nâng cấp, kết nối thông suốt từ huyện đến xã, thị trấn; 100% cán bộ, công chức, viên chức cấp huyện sử dụng thành thạo máy vi tính và các phần mềm được trang bị. Hệ thống quản lý văn bản và chỉ đạo, điều hành, chữ ký số được vận hành ổn định, thông suốt.

- Hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được triển khai với 21 điểm cầu, các điểm cầu hoạt động ổn định, cơ bản đã đáp ứng tốt về trang thiết bị, điều kiện ánh sáng, đường truyền, đảm bảo phục vụ tốt cho các cuộc họp trực tuyến. Trang thông tin điện tử huyện hoạt động ổn định, thường xuyên cập nhật, đăng tải các thông tin quan trọng về hoạt động chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo UBND huyện; phục vụ kịp thời cho việc truy cập thông tin của các tổ chức và cá nhân.

- UBND huyện thường xuyên rà soát các vùng lõm sóng, các cụm dân cư chưa được phủ sóng băng rộng di động, băng rộng cáp quang qua đó đề nghị cấp trên có phương án hỗ trợ phủ sóng. Khuyến khích, tạo điều kiện cho các doanh nghiệp đầu tư cơ sở hạ tầng đối các vùng lõm sóng, chưa được phủ sóng. Tính đến hết 31/3/2024 trên địa bàn huyện có 121 trạm BTS, mạng cáp quang được phủ sóng đến 100% trung tâm các thôn, khu phố.

1.6. Đánh giá đầu tư cho CNTT, chuyển đổi số

- UBND huyện chỉ đạo các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp trực thuộc, UBND các xã, thị trấn chủ động rà soát, đầu tư các trang thiết bị nhằm đảm bảo phục vụ tốt công tác chuyển đổi số trên địa bàn. Đến nay 100% cán bộ công chức, viên chức tại các cơ quan đơn vị được trang bị máy tính và các thiết bị phụ công tác chuyên môn.

- Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả cấp huyện, xã được bố trí phù hợp và trang bị thiết bị đảm bảo phục vụ tốt khi người dân và doanh nghiệp đến liên hệ công tác.

- Thực hiện Nghị quyết 30/2022/NQ-HĐND ngày 30/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh Quy định chế độ hỗ trợ đối với cán bộ, công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn giai đoạn 2023 – 2025. Năm 2023 UBND huyện đã chi 133.200.000 đ cho 22 cán bộ công chức cấp huyện, xã.

1.7. Việc số hóa hồ sơ thủ tục hành chính còn hiệu lực và có giá trị tái sử dụng

- Thực hiện Kế hoạch số 168/KH-UBND ngày 4/10/2020 và Kế hoạch số 157/KH-UBND ngày 15/7/2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn về triển khai, thực hiện Đề án đổi mới việc thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn; Công văn số 1610/UBND-TTPVHCC, ngày 15 tháng 11 năm 2021 của UBND tỉnh Lạng Sơn về thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Văn phòng HĐND và UBND huyện đã tham mưu cho UBND huyện Chi Lăng ban hành Kế hoạch số 269/KH-UBND ngày 24/12/2020 về số hóa kết quả giải quyết thủ tục hành chính còn hiệu lực trong các cơ quan hành chính nhà nước trên địa bàn huyện Chi Lăng đến năm 2025; Công văn số 2125/UBND-VP ngày 16/11/2021 về thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính; Công văn số 2050/UBND-VP ngày 07/10/2022 về đơn đốc thực hiện số hóa hồ sơ, giấy tờ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Kết quả như sau:

- Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính còn hiệu lực được cập nhật lên kho số hóa là 49.203 hồ sơ. Trong thời gian tới sẽ đôn đốc các cơ quan, đơn vị số hóa và đồng bộ dữ liệu từ Cổng dịch vụ công Lạng Sơn đối với hồ sơ TTHC được tiếp nhận và trả kết quả năm 2024 trên cổng dịch vụ công sang phần mềm số hóa thủ tục hành chính còn hiệu lực tại địa chỉ <http://hosotthc.langson.gov.vn>.

1.8. Kết quả thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ, giải pháp theo Nghị quyết, Kế hoạch Chuyển đổi số

1.8.1. Phát triển chính quyền số

- 100% dịch vụ công trực tuyến đủ điều kiện thực hiện mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động; 100% các cơ quan nhà nước cung cấp dịch vụ 24/7, sẵn sàng phục vụ trực tuyến bất cứ khi nào người dân và doanh nghiệp cần: **Đạt**.

- 100% công chức được gắn định danh số trong xử lý công việc: **Đạt**.

- 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (Trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật Nhà nước): **Đạt**.

- 100% các hoạt động chỉ đạo, điều hành và quản trị nội bộ của cơ quan hành chính Nhà nước thực hiện trên nền tảng quản trị tổng thể, thống nhất: **Đạt**

- 100% hồ sơ được tạo, lưu giữ, chia sẻ dữ liệu điện tử theo quy định: **Đạt**.

- 50% hoạt động kiểm tra của cơ quan quản lý Nhà nước được thực hiện thông qua môi trường số và hệ thống thông tin của cơ quan quản lý: **Tình chưa triển khai**.

- 100% đơn vị cấp xã có hệ thống thông tin truyền thanh cơ sở ứng dụng công nghệ số, nền tảng số: **Chưa đạt** (*Hiện nay có 14/20 đài truyền thanh IP những xã chưa có đài truyền thanh IP gồm các xã: Vân An, Chiến Thắng, Hòa Bình, Gia Lộc, Y Tịch và xã Chi Lăng*).

- Phối hợp với sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan cấp trên đảm bảo 100% các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các cơ quan, đơn vị hành chính Nhà nước hoạt động trên nền tảng điện toán đám mây của tỉnh (Lạng Sơn Cloud): **Đảm bảo**. (*triển khai đầy đủ các ứng dụng do cấp trên triển khai*)

- 100% các cơ quan, đơn vị thực hiện số hóa, sử dụng các cơ sở dữ liệu dùng chung, chuyên ngành kết nối, liên thông với cơ sở dữ liệu quốc gia bao gồm cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư, đất đai, đăng ký doanh nghiệp, tài chính, bảo hiểm, tư pháp,... tạo nền tảng phát triển chính quyền số của huyện; từng bước mở dữ liệu của các cơ quan Nhà nước để cung cấp dịch vụ công kịp thời, phục vụ người dân và phát triển kinh tế - xã hội: **Đạt**.

- Phối hợp với sở Thông tin và Truyền thông và cơ quan cấp trên đảm bảo 100% cơ quan, đơn vị hành chính Nhà nước có ít nhất một Trợ lý ảo hỗ trợ cho cán bộ, công chức, viên chức trong môi trường làm việc: **Đảm bảo**.

1.8.2. Phát triển kinh tế số

- Tỷ trọng kinh tế số trong từng ngành, lĩnh vực đạt tối thiểu 10%: (chưa có hướng dẫn của của Sở Thông tin và Truyền thông nên không tính được chỉ tiêu này)

- Tỷ lệ hộ gia đình có cửa hàng số cho người mua và người bán giao dịch trên nền tảng thương mại điện tử đạt trên 65%: **Đạt.** (Tính đến hết 31/3/2024 huyện có 47.548 tài khoản mua/bán trên sàn giao dịch điện tử trên tổng số hộ dân là 19.734 hộ)

1.8.3. Phát triển xã hội số

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình. **Đạt** (tỉ lệ mạng cáp quang phủ sóng $18.636/19734=94,43\%$)

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh. **Đạt** (Mạng 3G, 4G được phủ đến 100% trung tâm các thôn, khu phố. Hiện nay trên địa bàn huyện còn 1098 hộ chưa được phủ sóng hoặc sóng yếu do sinh sống tại các khu vực lõm sóng, các hộ dân cư không tập trung. Hiện nay trên địa bàn huyện có 121 trạm BTS)

- Tỷ lệ dân số từ 15 tuổi có tài khoản thanh toán điện tử, ví điện tử trên 50%. **Đạt.** (Có 29.630 tài khoản/45836 đạt 64,64%)

- 100% người dân và doanh nghiệp được Trợ lý ảo hỗ trợ thực hiện thủ tục hành chính, sử dụng dịch vụ công trực tuyến của huyện: **Đạt.**

- 100% các trường học sử dụng nền tảng số trong công tác giảng dạy và hoạt động quản lý: **Đạt** (58/58 trường học)

- Trung tâm y tế huyện kết nối với bệnh viện tuyến trên phục vụ khám chữa bệnh qua nền tảng công nghệ số: **Đạt.**

- Tỷ lệ hộ gia đình có địa chỉ số đạt 100%: **Tỉnh chưa triển khai.**

2. Kết quả phát triển kinh tế số

- Về triển khai cài đặt ứng dụng app công dân số Xứ Lạng; tài khoản thanh toán điện tử và app người mua/bán trên sàn giao dịch điện tử trên địa bàn huyện được **111.133** tài khoản **đạt 227,31%**: Trong đó có **34.595** tài khoản áp công dân số Xứ Lạng; **29.107** tài khoản thanh toán điện tử; **47.431** tài khoản mua/bán trên các sàn giao dịch điện tử.

- Triển khai thực hiện đề án 06 về định danh điện tử đến nay đã tiến hành định danh được **40.208** tài khoản định danh điện tử VNEID đạt 131,4% so với chỉ tiêu đề ra.

3. Kết quả phát triển xã hội số

- Việc phát triển xã hội số, phổ cập dịch vụ internet băng rộng đến hộ gia đình và phủ sóng di động 4G/5G: Ủy ban nhân dân huyện đã chỉ đạo cơ quan chuyên môn rà soát và đề xuất lắp trạm BTS cho các thôn chưa có dịch vụ internet di động hoặc có nhưng sóng kém không ổn định; chỉ đạo các cơ quan, đơn vị tạo điều kiện cho Viettel Lạng Sơn, VNPT xây dựng các trạm thu phát sóng di động (trạm BTS) tại thôn, bản của các xã chưa được phủ sóng di động hoặc đã có sóng di động nhưng còn yếu. Đến nay sóng di động đã được phủ

sóng đến 100% trung tâm các thôn trên địa bàn huyện, chỉ còn một số ít các xóm, hộ gia đình phân bố nhỏ lẻ, không tập trung hoặc ở các vùng lõm sóng chưa có di động 3g,4g,5g.

- Xây dựng kế hoạch, lộ trình số hóa cơ sở dữ liệu trong các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện. Thúc đẩy chuyển đổi số, việc tập huấn, đào tạo trực tuyến: UBND huyện tổ chức tập huấn cho lãnh, cán bộ, công chức cấp huyện, xã thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC tại Hội trường UBND huyện; huyện đã ban hành các văn bản chỉ đạo các cơ quan chuyên môn, UBND các xã, thị trấn triển khai thực hiện số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC.

- Chỉ đạo ngành giáo dục xây dựng hệ thống quản lý ứng dụng công nghệ số trong quản lý và dạy học.

+ Trong quản lý giáo dục, toàn ngành đã triển khai số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung từ CSDL ngành và 58 cơ sở giáo dục. Cơ sở dữ liệu ngành vừa qua đã hỗ trợ đắc lực công tác tuyển sinh và thống kê, báo cáo trong toàn ngành. Khối Mầm non có 20 trường, khối Tiểu học 18 trường, khối THCS có 20 trường sử dụng phần mềm quản lý nhà trường, sổ điểm điện tử, học bạ điện tử, sổ đăng bộ điện tử Hệ thống phần mềm quản lý nhà trường hoạt động thông suốt, ổn định, phát huy hiệu quả tích cực và đã được đồng bộ với phần mềm CSDL ngành.

+ Về dạy - học, giáo viên toàn ngành giáo dục biết vận dụng các phần mềm trong việc dạy học, dạy học trực tuyến, tham gia thiết kế bài giảng E-Learning,...Khai thác các ứng dụng hỗ trợ công tác quản lý trực tuyến, dạy học từ xa, dạy học trực tuyến như: Google Workspace, Microsoft Office 365, Zoom Cloud Meetings, Zalo, Facebook,...

+ Về nhân lực số, hiện nay ở bậc THCS môn tin học đã đưa vào giảng dạy là môn bắt buộc ở lớp 6,7,8 theo chương trình GDPT mới, giáo dục STEM được lồng ghép trong các môn học, gắn việc học của học sinh thông qua các hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết các bài toán và hiện tượng trong cuộc sống. Phòng GDĐT tham mưu UBND huyện cử giáo viên đi học văn bằng 2 sư phạm môn tin học.

+ Phòng GDĐT huyện Chi Lăng hiện tại có 1.672 chữ ký số được cấp cho tất cả các trường, tiến hành tập huấn cho toàn thể cán bộ quản lý và giáo viên, triển khai thực hiện ký số hồ sơ trên hệ thống phần mềm quản lý nhà trường.

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

1. Ưu điểm

- Được sự quan tâm lãnh đạo, chỉ đạo của UBND tỉnh và hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông trong công tác triển khai thực hiện về Công tác chuyển đổi số với 3 trụ cột chính là chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

- Hoạt động ứng dụng CNTT vào quá trình chuyển đổi số trên địa bàn huyện từng bước được triển khai hiệu quả. Nhận thức về vai trò và lợi ích của CNTT của các tầng lớp Nhân dân được nâng cao rõ rệt thông qua các chương trình tuyên truyền, phổ biến dưới các hình thức khác nhau. Trong thực tế, CNTT

đã được ứng dụng hiệu quả và trở thành phương tiện không thể thiếu, góp phần nâng cao hiệu lực, hiệu quả công việc; nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân; đóng góp một phần quan trọng trong phát triển kinh tế, xã hội của huyện. Công tác chỉ đạo, điều hành tiếp tục được quan tâm, kịp thời, bám sát nội dung các văn bản của Trung ương, của tỉnh về công tác chuyển đổi số trên địa bàn tỉnh Lạng Sơn. Các văn bản được ban hành có vai trò quan trọng trong định hướng, thúc đẩy quá trình chuyển đổi số trên địa bàn huyện.

- Có sự phối hợp kịp thời, hiệu quả giữa các Phòng chuyên môn Sở Thông tin và Truyền thông và phòng chuyên môn, UBND các xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- Hệ thống quản lý văn bản và điều hành VNPT- iOffice kết hợp với sử dụng Chứng thư số, chữ ký số trong các cơ quan nhà nước, hệ thống hội nghị truyền hình trực tuyến được triển khai hoạt động ổn định, chất lượng hình ảnh và âm thanh đã cơ bản đạt yêu cầu... đã góp phần giảm chi phí in ấn, tem thư vận chuyển văn bản giấy.

2. Tồn tại, hạn chế

- Trong quá trình triển khai Nền tảng “Công dân số - Xứ Lạng” và phát triển tài khoản thanh toán điện tử, tài khoản mua/bán trên sàn thương mại điện tử sau khi hướng dẫn, đăng ký và cài người dân thực hiện xóa app và không sử dụng.

- Việc tiếp cận, vận hành hệ thống CNTT cũng như hỗ trợ việc ứng dụng CNTT, chuyển đổi số tại cơ quan, đơn vị tại một số cơ quan, đơn vị hiệu quả chưa cao.

- Thực hiện triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC còn nhiều khó khăn do số lượng hồ sơ thực hiện lớn, cơ sở vật chất nhiều đơn vị chưa thực sự đáp ứng yêu cầu đối với thực hiện số hóa.

- Công tác tuyên truyền cho người dân, doanh nghiệp về thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích đã có nhiều chuyển biến tích cực; tuy nhiên, tỷ lệ hồ sơ TTHC phát sinh qua dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích vẫn còn thấp.

- Việc sử dụng dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích trong việc giải quyết TTHC hiệu quả chưa cao vì khả năng tiếp cận thông tin, trình độ dân trí của người dân còn hạn chế, chưa đồng đều giữa các vùng; hệ thống trang thiết bị, hạ tầng kỹ thuật ở nhiều nơi còn hạn chế; tâm lý của đa số người dân chưa thực sự yên tâm khi thực hiện TTHC qua các dịch vụ này.

3. Nguyên nhân

- Trình độ sử dụng công nghệ thông tin, các thiết bị điện thoại thông minh của người dân chưa đồng đều dung lượng bộ nhớ thấp; hệ điều hành của các loại điện thoại thông minh khác nhau, người dân chưa có nhu cầu sử dụng, thói quen mua bán theo truyền thống...

- Công chức tại các cơ quan, đơn vị thực hiện theo chế độ kiêm nhiệm chưa được đào tạo chuyên môn sâu về CNTT.

- Lãnh đạo của một số cơ quan chuyên môn, UBND cấp xã chưa nghiêm túc trong triển khai thực hiện đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông. Do vậy, việc đánh giá kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông còn lúng túng, chưa kịp thời.

- Do khối lượng công việc tại các cơ quan, đơn vị rất nhiều và gấp và còn thiếu biên chế nên việc bố trí sắp xếp công chức, viên chức ra làm việc tại bộ phận Một cửa còn khó khăn; Một số cơ quan, đơn vị, UBND xã, thị trấn cử cán bộ công chức, viên chức thực hiện nhiệm vụ tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC tại Bộ phận Một cửa về năng lực, trình độ, thái độ trong thực hiện nhiệm vụ, hướng dẫn, hỗ trợ cá nhân, tổ chức thực hiện TTHC còn hạn chế. Do vậy, việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông còn lúng túng, chưa kịp thời dẫn đến việc phát sinh phản ánh kiến nghị của người dân.

- Thực hiện triển khai số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết TTHC còn nhiều khó khăn do số lượng hồ sơ thực hiện lớn, thành phần hồ sơ nhiều như lĩnh vực Chứng thực, hỗ trợ ăn trưa cho trẻ em mẫu giáo,... cơ sở vật chất nhiều đơn vị chưa thực sự đáp ứng yêu cầu đối với thực hiện số hóa, phần mềm số hóa TTHC còn có nhiều bất cập khó khăn cho đơn vị thực hiện việc cập nhật hồ sơ; hồ sơ lưu trữ của một số đơn vị không đầy đủ.

- Công tác tuyên truyền cho người dân, doanh nghiệp về thực hiện TTHC qua dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích đã có nhiều chuyển biến tích cực; tuy nhiên, tỷ lệ hồ sơ TTHC phát sinh qua dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu chính công ích vẫn còn thấp; triển khai thanh toán trực tuyến và đơn giản hóa thủ tục hành chính còn đạt tỷ lệ thấp.

- Thực hiện Nghị định số 104/2022/NĐ ngày 21/12/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến việc nộp, xuất trình sổ hộ khẩu, sổ tạm trú giấy khi thực hiện thủ tục hành chính, cung cấp dịch vụ công, khó khăn đối với việc thực hiện một số TTHC như Chứng thực, văn bản thừa kế tặng cho, Hộ tịch... vì không xác minh được nhân thân do phần mềm tra cứu cơ sở dữ liệu về dân cư cập nhật không đầy đủ thông tin về nhân thân trong hộ gia đình.

B. PHƯƠNG HƯỚNG, NHIỆM VỤ TRONG THỜI GIAN TỚI

1. Thường xuyên thông tin tuyên truyền về các nội dung của Chuyển đổi số bằng nhiều hình thức khác nhau, trong đó chú trọng tuyên truyền trên hệ thống truyền thanh cơ sở; thông qua các cuộc họp của thôn, khu phố, cổ động trực quan, pano, áp phích, video, trailer tuyên truyền để người dân hiểu và phối hợp thực hiện các nhiệm vụ chuyển đổi số...

2. Tiếp tục triển khai các nội dung của Nghị quyết 49-NQ/TU, ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến 2025, định hướng đến năm 2030 và kế hoạch và các văn bản chỉ đạo cấp trên, phân đầu hoàn thành các chỉ tiêu, nhiệm vụ chuyển đổi số năm 2023.

3. Tập trung triển khai các biện pháp đồng bộ để đẩy mạnh thực hiện TTHC trên môi trường điện tử, cung cấp dịch vụ công trực tuyến, dịch vụ bưu

chính công ích trong giải quyết TTHC. Triển khai thực hiện số hóa thủ tục hành chính theo hướng dẫn cấp trên.

4. Tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện nghiêm túc công tác kiểm soát TTHC, cải cách TTHC, thực hiện TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông trên địa bàn huyện. Đôn đốc cấp xã thực hiện tốt hoạt động của Bộ phận Một cửa. Tổ chức đánh giá việc giải quyết TTHC theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông; Số hóa TTHC đúng quy định.

5. Thường xuyên thông tin, tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân trong việc triển khai cài đặt App Công dân số Xứ Lạng, tạo tài khoản thanh toán điện tử và app người mua/bán trên sàn giao dịch điện tử bằng hình thức phù hợp. Rà soát tình hình tổ chức thực hiện để có biện pháp, giải pháp hướng dẫn các thôn, khu phố triển khai thực hiện các chỉ tiêu đã giao; phối hợp với Trung tâm Công nghệ số - Sở Thông tin và Truyền thông và doanh nghiệp viễn thông tiếp tục hỗ trợ tổ số công nghệ số cộng đồng, người dân trong việc phát triển kinh tế số.

6. Tiếp tục hướng dẫn các phường, xã và Tổ công nghệ số cộng đồng duy trì và phát phát triển, cài đặt App “Công dân số Xứ Lạng”, App MB Bank, tài khoản thanh toán điện tử và app người mua/bán trên sàn thương mại điện tử.

7. Quan tâm hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng thiết bị và hướng dẫn triển khai chuyển đổi số.

8. Chỉ đạo các phòng chuyên môn phối hợp với các đơn vị tổ chức các lớp tập huấn theo kế hoạch; đăng ký cử cán bộ, công chức, viên chức tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về công nghệ thông tin, về chuyển đổi số, kinh tế số, quản lý số...

9. Chỉ đạo quản lý, vận hành, khai thác, sử dụng phần mềm hồ sơ cán bộ, công chức, viên chức và người lao động hiệu quả.

C. ĐỀ XUẤT, KIẾN NGHỊ

1. Đối với các Ban, Bộ, Ngành Trung ương

- Tiếp tục các lớp tập huấn trên các nền tảng trực tuyến cho cán bộ công chức cấp huyện, xã và tổ công nghệ số cộng đồng về chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số với nội dung ngắn gọn phù hợp với từng vùng miền.

- Có chính sách hỗ trợ cho cán bộ chuyên trách, bán chuyên trách và thành viên các Tổ công nghệ số thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số.

2. Đối với các sở, ban, ngành

- Đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh

+ Thường xuyên cung cấp các file, tài liệu tuyên truyền về chuyển đổi số, kinh tế số, xã hội số.

- Tổ chức các lớp tập huấn về bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng cho cán bộ công chức, viên chức, thành viên Tổ công nghệ số về chuyển đổi số; lớp tập huấn về sử dụng sim PKI trên điện thoại thông minh.

- Đề nghị Văn phòng UBND tỉnh: tổ chức tập huấn sử dụng Hệ thống thông tin báo cáo Chính phủ (nội dung về kiểm soát TTHC, ký số đối với cán bộ công chức thực hiện tiếp nhận và giải quyết TTHC). Phối hợp và các đơn vị liên quan kịp thời khắc phục lỗi đồng bộ trạng thái xử lý hồ sơ từ Hệ thống thông tin giải quyết TTHC tỉnh và các hệ thống thông tin giải quyết TTHC của các Bộ, ngành Trung ương lên Cổng Dịch vụ công Quốc gia, đảm bảo trạng thái xử lý hồ sơ chính xác, đồng nhất giữa các cổng dịch vụ công.

(Kèm theo danh sách các văn bản UBND huyện đã triển khai)

Trên đây là báo cáo kết quả Tình hình thực hiện Kế hoạch số 23/KH-UBND ngày 19/01/2022 của Ủy ban nhân dân huyện Chi Lăng về thực hiện Nghị quyết số 49-NQ/TU ngày 28/9/2021 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy về chuyển đổi số tỉnh Lạng Sơn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 của UBND huyện Chi Lăng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- TT Huyện ủy (BC);
- TT HĐND huyện (BC);
- CT, các PCT UBND huyện (BC);
- Các phòng, ban, đơn vị sự nghiệp trực thuộc;
- UBND các xã, thị trấn;
- Lưu VT, VH TT. (NHH)

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Hùng Mạnh